



VÕ CỔ TRUYỀN

LE ANTICHE ARTI MARZIALI TRADIZIONALI VIETNAMITE

VÕ CỔ TRUYỀN - Võ Thuật Cổ Truyền Việt Nam – (in cinese 越南传统武术 Yuènnán chuántǒng wǔshù)

VÕ = abbreviazione di “Arti Marziali” - CỔ = antico - TRUYỀN = tradizionale

VÕ THUẬT = Tecnica, arte marziale

Introduzione:

Con un notevole sforzo organizzativo la Federazione Mondiale di Arti Marziali tradizionali vietnamite (WVFW – World Federation of Vietnam Vocoluyen – Liên đoàn Thế giới Võ cổ truyền Việt Nam) in questi ultimi anni ha codificato una serie di forme che interpretano e raccolgono le tecniche delle maggiori scuole e stili marziali vietnamiti e sino-vietnamiti.

Scopo principale è la diffusione nel mondo della cultura vietnamita tramite le Arti Marziali tradizionali vietnamite, anche tramite l'organizzazione di competizioni sia di forme, sia di Combattimento libero o Song-Dau.

LESSICO per le FORME

Forme: in vietnamita QUYỀN (in cinese 套路 Kwen o Taolu)

Forme a mani nude

In viet: Thao Quyền - in cinese: 拳术套路 Quanshu Taolu

Forme con armi - con attrezzi

Armi: in viet: Vũ khí – in cinese: 武器 Wǔqì

In viet: forme con armi corte - Quyền Vũ khí ngắn - forme con armi lunghe - Quyền Vũ khí dài

In cinese: 武器套路 Wǔqì Tàolù (forme con armi) - 器械套路 Qìxiè Tàolù (forme con attrezzi)

Quyền fondamentali per le gare internazionali

1. Lão Hồ Thượng Sơn - la vecchia tigre scala la montagna
2. Tứ Linh Đao (sciabola)
3. Hùng Kê Quyền - il gallo combattente
4. Roi Thái Sơn (bastone)
5. Ngọc Trản Quyền - la tazza di giada
6. Huỳnh Long Độc Kiếm (spada)
7. Bát Quái Côn (bastone)
8. Lão Mai Quyền - il vecchio pruno
9. Siêu Xung Thiên (alabarda)
10. Độc Lư Thương (lancia)



I 18 Quyển ufficiali (Thao Quy Dinh) attualmente codificati della Federazione vietnamita:

1. Tiên ông quyền. (mani nude)
2. Thần đồng côn. (bastone lungo)
3. Lão hổ thượng sơn. (mani nude)
4. Tứ linh đao. (sciabola)
5. Hùng kê quyền. (mani nude)
6. Đản côn tề mi. (bastone)
7. Bạch hạc sơn quyền. (mani nude)
8. Huỳnh long độc kiếm. (spada)
9. Kim ngư quyền. (mani nude)
10. Thái sơn côn. (bastone lungo)
11. Ngọc trản quyền. (mani nude)
12. Lôi long đao. (alabarda)
13. Lão mai quyền. (mani nude)
14. Thanh long độc kiếm. (spada)
15. Bát quái côn. (bastone lungo)
16. Siêu xung thiên. (alabarda)
17. Độc lư thương. (lancia)
18. Thiết lĩnh. (simile al nunchaku ma con le sezioni di dimensioni diverse).